

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2023
V/v tranh chấp chia tài sản sau
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Nguyễn Văn Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Ấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Trung H, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị H1 – Luật sư, Văn phòng Luật sư Trương Thị Hòa, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1961; Hiện đang định cư tại: 4727 JACSON ST, APT #, RIVERSIDE CA 92503, USA, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Bà N: Bà Bùi Dương Bạch M, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B (theo Văn bản uỷ quyền ngày 06/8/2019), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Dương Bạch M, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của Bà M: Ông Vương Công Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp C, xã G, huyện T, tỉnh T (theo Văn bản uỷ quyền ngày 01/12/2021), có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Cháu Nguyễn Thụy Khải V, sinh năm 2011 và cháu Nguyễn Thụy Ngân Q, sinh năm 2014; cùng địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Cháu V, cháu Q: Bà Bùi Dương Bạch M, sinh năm 1985 và Ông Nguyễn Văn T; cùng địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

4. Ông Bùi Dương Trung H2, sinh ngày 1989; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B. Hiện đang định cư tại số 4727 JACSON ST, APT #, RIVERSIDE CA 92503, USA, vắng mặt.

5. Ông Bùi Trung H3, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B. Hiện đang định cư tại 4727 JACSON ST, APT #, RIVERSIDE CA 92503, USA, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ông H3: Bà Bùi Dương Bạch M, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B (theo Văn bản uỷ quyền ngày 30/7/2019), có mặt.

6. Ông Bùi Dương Trung H4, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B. Hiện đang định cư tại 4727 JACSON ST, APT #, RIVERSIDE CA 92503, USA, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ông H4: Bà Bùi Dương Bạch M, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B (theo Văn bản uỷ quyền ngày 07/8/2019), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018; đơn khởi kiện bổ sung và thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 22/4/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 3 năm 2021, đơn xác định rõ yêu cầu khởi kiện ngày 15/12/2021, bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Bùi Trung H trình bày:

Trước đây, Ông H và Bà N là vợ chồng và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 28/2006/QĐST- HNGĐ ngày 04/8/2006 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên. Khi ly hôn, Ông H và Bà N chỉ thoả thuận giải quyết về con chung, còn tài sản chung thì hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tài sản chung của Ông H và Bà N hình thành trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

- Đất có diện tích 1.399m² (trong đó có 300m² đất ODT và 1.099m² đất CLN), đo đạc thực tế là 1550,9m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp 2 (nay là ấp Điều Hòa), xã Bạch Đằng, huyện (nay là thành phố) Tân

Uyên, tỉnh Bình Dương. Ngày 06/6/2005, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông H, Bà N. Đất có nguồn gốc do cha mẹ của Ông H là cụ Bùi Văn Ng (sinh năm 1938, chết 2016) và cụ Trần Thị Ngọc H5, sinh năm 1938 có tặng cho riêng Ông H vào năm 1990. Do đất được tặng cho chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi tặng cho không làm giấy tờ tặng cho, chỉ nói miệng và bàn giao đất thực tế. Quá trình quản lý, sử dụng đất, Ông H trực tiếp làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân Ông H, còn Bà N là người trực tiếp liên hệ nhận giấy chứng nhận và sau khi nhận thì Bà N cũng không giao cho Ông H, vì vậy, Ông H không biết đất cấp cho hộ gia đình và Ông H cũng không có khiếu nại lên cơ quan cấp giấy chứng nhận đất. Ông H xác định đây là tài sản riêng của Ông H.

- Căn nhà trên đất: Quá trình sống chung lúc đầu Ông H và Bà N cùng cư ngụ trong căn nhà lá do cha mẹ của Ông H tặng cho cùng với đất, đến năm 1995 Ông H và Bà N xây dựng căn nhà cấp 4 có diện tích 103,7m² (đo đạc thực tế là 163,7m²), đến năm 2007 Bà N sửa chữa nhà lại như hiện nay. Ông H xác định đây là tài sản chung của Ông H và Bà M.

Nay, do các bên không thoả thuận việc chia tài sản chung nên Ông H có đơn khởi kiện Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 1550,9m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp 2 (nay là ấp Điều Hòa), xã Bạch Đằng, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và toàn bộ cây trồng gắn liền với đất là tài sản riêng của Ông H.

- Yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung là căn nhà cấp 4 có diện tích 103,7m² (đo đạc thực tế là 163,7m²) gắn liền với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp 2 (nay là ấp Điều Hòa), xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông H yêu cầu được nhận tài sản bằng giá trị.

- Yêu cầu Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 986522, số vào sổ H00044 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho hộ Ông Bùi Trung H và Bà Dương Thị N ngày 06/6/2005 để cấp lại cho cá nhân Ông H.

Ngoài những tài sản trên thì Ông H không yêu cầu Tòa án chia tài sản nào khác.

Tại bản tự khai theo dấu đơn đến của Tòa án đề ngày 26/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Dương Thị N và người đại diện hợp pháp của Bà N là Bà Bùi Dương Bạch M thống nhất trình bày:

Bà N và Bà M thống nhất với lời trình bày của Ông H về việc kết hôn, ly hôn, nhưng không thống nhất với Ông H về tài sản. Bà N và Bà M cho rằng phần đất có diện tích 1.399m² (trong đó có 300m² đất ODT và 1.099m² đất CLN), đo đạc thực tế là 1550,9m² thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại ấp 2 (nay là ấp Điều Hòa), xã Bạch Đằng, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố)

Tân Uyên cấp ngày 06/6/2005 cho hộ Ông H, Bà N là tài sản chung của hộ gia đình. Đất có nguồn gốc do cha mẹ của Ông H là cụ Bùi Văn Ng (sinh năm 1938, chết 2016) và cụ Trần Thị Ngọc H5, sinh năm 1938 có tặng cho hộ gia đình Ông H và Bà N. Quá trình sinh sống trên đất, vào năm 1995 Bà N và Ông H đã xây dựng căn nhà cấp 4 có diện tích 103,7m² (đo đạc thực tế là 163,7m²), đến năm 2007 Bà N sửa chữa nhà lại như hiện nay. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của Ông H, Bà N và Bà M đồng ý phân chia tài sản chung nhưng thành 06 phần bằng nhau gồm Ông H, Bà N, Bà M, Ông H2, Ông H4, Ông H3, vì mỗi thành viên trong gia đình đều có công sức đóng góp tạo nên khối tài sản chung này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Bùi Dương Bạch M và người đại diện theo ủy quyền của Bà M là Ông Vương Công Đ thống nhất trình bày:

Bà M và Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bị đơn. Đất và tài sản trên đất là tài sản chung của hộ gia đình Bà N và Ông H vì đất có nguồn gốc là do ông bà nội tặng cho gia đình Bà N và Ông H. Sau khi nhận đất thì cả gia đình Bà N và Ông H cùng các con sinh sống trên đất cho đến khi Bà N và Ông H ly hôn. Sau khi Bà N định cư ở nước ngoài vào năm 2013 đã giao lại toàn nhà và đất cho vợ chồng Bà M quản lý. Quá trình quản lý, vợ chồng Bà M đã cải tạo sửa chữa căn nhà, xây dựng ki ốt, sân và trồng cây. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của Ông H thì Bà M yêu cầu tính công sức giữ gìn, cải tạo, xây dựng trên đất cho vợ chồng Bà M, sau đó phần còn lại thì Bà M yêu cầu chia đều cho hộ gia đình gồm 06 người gồm Ông H, Bà N, Bà M, Ông H2, Ông H4, Ông H3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T là chồng của Bà M. Ông T thống nhất với lời trình bày của Bà M. Về tính công sức đóng góp trong việc giữ gìn, cải tạo, xây dựng trên đất thì Ông T để Bà M quyết định. Ngoài ra, Ông T không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cháu Nguyễn Thụy Khải V và cháu Nguyễn Thụy Ngân Q do Ông T và Bà M đại diện trình bày:

Hiện tại Cháu V và cháu Q còn nhỏ sống cùng với cha mẹ nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Dương Trung H2 trình bày: Ông H2 là con của Ông H và Bà N. Sau khi cha mẹ ly hôn thì Ông H2 đã theo Bà N định cư tại Hoa Kỳ. Trước yêu cầu khởi kiện của Ông H thì Ông H2 yêu cầu phân chia tài sản thành 06 phần bằng nhau gồm Ông H, Bà N, Bà M, Ông H2, Ông H4, Ông H3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Trung H3, Ông Bùi Dương Trung H4 do Bà Bùi Dương Bạch M là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của Bà N, Bà M. Quá trình giải quyết lại vụ án, thì Bà M không còn đại diện cho Ông H4, tuy nhiên, ngoài ý kiến của Bà M đại diện cho Ông H4 trình bày trước đây thì sau khi vụ án được giải quyết lại Ông H4 không có trình bày ý kiến nào khác.

Tại phiên toà sơ thẩm, Ông H và Bà M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của Bà N, Ông H3, Ông H4 thống

nhất thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Ông H được quản lý, quyền sử dụng diện tích đất 681,5m² cùng tài sản gắn liền với đất.

- Bà N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 869,4m² cùng tài sản gắn liền với đất.

- Ông H và Bà N không phải hoàn trả cho nhau giá trị diện tích chênh lệch.

- Bà M không yêu cầu Ông H và Bà N trả lại chi phí xây dựng, sửa chữa nhà, Ki ốt, sân bê tông và chi phí trông coi, gìn giữ nhà, đất cho vợ chồng Bà M, Ông T.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thì Ông H tự nguyện chịu.

Ý kiến của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Ông T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Ông H2 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên toà, các đương sự đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thoả thuận này không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ông T, Ông H2. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Trung H khởi kiện Bà Dương Thị N yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Ông H có địa chỉ thường trú tại ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B. Bà N cũng có địa chỉ thường trú tại ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh B, nhưng hiện tại Bà N đang định cư tại 4727 JACSON ST, APT #, RIVERSIDE CA 92503, USA. Mặt khác, đất tranh chấp và tài sản gắn liền tọa lạc tại ấp 2 (nay là ấp Điều Hòa), xã Bạch Đằng, huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên toà: Tại phiên toà, Ông Nguyễn Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Ông Bùi Dương Trung H2 đã được Toà án thông báo về việc mở phiên toà tại biên bản làm việc ngày 14/8/2023 nhưng Ông H2 vẫn vắng mặt đến lần thứ hai; quá trình làm việc Toà án đã yêu cầu Bà M thông báo lại cho Ông H2 biết về việc mở phiên toà xét xử vụ án nhưng Ông H2 vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Căn cứ các Điều 227, 228

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ông T, Ông H2.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn Ông Bùi Trung H, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là Bà Bùi Dương Bạch M, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà M là Ông Vương Công Đ, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Dương Trung H4, Ông Bùi Trung H3 là Bà M thống nhất thoả thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án, như sau:

- Ông Bùi Trung H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 681,5m² (trong đó có 120m² đất thổ cư và 561,5m² đất trồng cây lâu năm) cùng tài sản gắn liền với đất.

- Bà Dương Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 869,4m² (trong đó có 180m² đất thổ cư và 689,4m² đất trồng cây lâu năm) cùng tài sản gắn liền với đất.

- Ông H và Bà N không phải hoàn trả cho nhau giá trị diện tích chênh lệch.

- Bà M không yêu cầu Ông H và Bà N trả lại chi phí xây dựng, sửa chữa nhà, Kiốt, sân bê tông, toàn bộ cây trồng trên đất và chi phí trông coi, gìn giữ nhà, đất cho vợ chồng Bà M, Ông T.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thì Ông H tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 144, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 33, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 186 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Bùi Trung H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 681,5m², bao gồm: Diện tích 574m² đất thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 9 và diện tích 107,5m² đất nằm ngoài thửa 47, tờ bản đồ số 9 (trong đó có 120m² đất thổ cư và 561,5m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Điều Hoà, xã Bạch Đằng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cùng tài sản gắn liền với đất. Được ký hiệu phần A trong sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Bà Dương Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 869,4m², bao gồm: Diện tích 791,4m² đất thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 9 và diện tích 78m² đất nằm ngoài thửa 47, tờ bản đồ số 9 (trong đó có 180m² đất thổ cư và 689,4m² đất trồng cây lâu năm) cùng tài sản gắn liền với đất. Được ký hiệu phần B trong sơ đồ bản vẽ kèm theo.

- Ông Bùi Trung H và Bà Dương Thị N không phải hoàn trả cho nhau giá trị diện tích chênh lệch.

- Ông Bùi Trung H và Bà Dương Thị N không phải thanh toán lại cho Bà Bùi Dương Bạch M và Ông Nguyễn Văn T chi phí xây dựng, sửa chữa nhà, Kiốt, sân bê tông, toàn bộ cây trồng trên đất và chi phí trông coi, gìn giữ nhà, đất.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 986522, số vào sổ H00044 ngày 06/6/2005 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho hộ Ông Bùi Trung H và Bà Dương Thị N để cấp cho Ông Bùi Trung H và Bà Dương Thị N theo bản án này.

2. Về án phí chia tài sản chung: Ông Bùi Trung H và Bà Dương Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí. Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên hoàn trả cho Ông Bùi Trung H số tiền 12.493.000 (mười hai triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014726 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là 13.000.000 đồng, Ông H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Đẹp Nguyễn Văn Cương

Lưu Thị Mỹ Hương

